

Bản án số: 54/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 04-12-2018

Về việc ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Võ Thị Thúy An.

2. Bà Nguyễn Thị Diên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 161/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2018 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2018/QĐXXST-DS ngày 30/10/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16/11/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị H, sinh năm 1983; địa chỉ: khu phố 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh L, sinh năm 1975; địa chỉ: khu phố 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt lần 2 không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 27/9/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị H trình bày: Chị H và anh L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T vào ngày 26/4/2004. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian và có được hai người con chung là K, sinh ngày 24/6/2003 và T, sinh ngày 08/4/2005. Mấy năm nay vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh L không lo làm ăn phụ giúp gia đình, bài bạc đủ thứ, chị H đã khuyên nhiều lần nhưng anh L không

sửa chữa, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Nay chị H không thể chịu đựng được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh L. Con theo ai người đó nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng. Tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị H trình bày không nợ ai.

** Bị đơn là anh L vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.*

** Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị H thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình và chấp hành nội quy phiên tòa. Bị đơn anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng đều vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H; đồng thời giao cháu K và T cho chị H nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị H và anh L đăng ký kết hôn năm 2004 nên pháp luật công nhận anh chị là vợ chồng. Chị H có yêu cầu xin ly hôn nên Tòa án thụ lý đơn giải quyết theo khoản 1 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình. Tòa án đã tổ chức hòa giải để tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn nhưng anh L vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được, chị H có đơn yêu cầu Tòa án đưa vụ án ra xét xử, không tiến hành hòa giải nên căn cứ Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành đưa vụ án ra xét xử. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với anh L nhưng anh L vắng mặt phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh L.

Chị H yêu cầu được ly hôn với anh L và yêu cầu giải quyết việc nuôi con, không yêu cầu giải quyết các vấn đề khác nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa chị H và anh L là “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*”.

[2] Về nội dung vụ án: Năm 2004 chị H và anh L đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, chị H và anh L xảy ra mâu thuẫn. Theo chị H trình bày là do anh L không lo làm ăn, tụ tập chơi bời, bài bạc. Từ ngày 31/8/2018 đến nay vợ chồng không ai quan tâm đến ai, tiền bạc chi xài riêng, sinh hoạt riêng. Chị H thấy không thể tiếp tục tình trạng vợ chồng sống không hạnh phúc nên thực hiện quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định tại Điều 51 của Luật hôn nhân và gia đình.

Anh L là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để hòa giải và xét xử, nhưng anh L đều vắng mặt không lý do. Việc anh L cố tình vắng mặt là đã tự đánh mất cơ hội được hòa giải hàn gắn và trình bày ý kiến để được xem xét.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh L đã kéo dài; cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, anh L không có thiện chí hàn gắn nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[3] Về con chung: Chị H và anh L có hai người con chung là K, sinh ngày 24/6/2003, giới tính nữ và T, sinh ngày 08/4/2005, giới tính nam, cả hai người con đang sống chung với chị H. Chị H có ý kiến con theo ai thì người đó nuôi, không cấp dưỡng, anh L không có ý kiến trình bày. Cháu K có nguyện vọng sống với chị H, cháu T có nguyện vọng sống với anh L. Cháu T có nguyện vọng sống với anh L nhưng anh L không thể hiện ý kiến của mình, tại phiên tòa chị H thống nhất nuôi hai người con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng, khi nào anh L muốn nuôi cháu T thì chị sẽ giao cháu T cho anh L.

Xét thấy, chị H đủ điều kiện chăm sóc, giáo dục con và thống nhất nuôi hai người con, không yêu cầu cấp dưỡng. Tuy cháu T có nguyện vọng sống với anh L nhưng anh L không trình bày ý kiến có nhận nuôi cháu T hay không, để đảm bảo lợi ích của cháu T, cần tạm giao cháu T cho chị H nuôi dưỡng, khi nào anh L có đủ điều kiện và nhận nuôi cháu T thì chị H giao cháu T lại cho anh L. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con, không ai được cản trở. Trường hợp chị H vi phạm nghĩa vụ nuôi con hoặc không còn đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh L có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng khi ly hôn: Chị H và anh L không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản: Chị H trình bày anh chị tự thỏa thuận về tài sản, không yêu cầu giải quyết; anh L không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về nợ chung: Chị H trình bày không có nợ ai, anh L không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết trong vụ án khác.

[7] Về án phí sơ thẩm: Chị H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 147, 207, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H đối với anh L. Chị H được ly hôn với anh L.

2- Về con chung: Giao K, sinh ngày 24/6/2003 và T, sinh ngày 08/4/2005 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trường hợp chị H vi phạm nghĩa vụ nuôi con hoặc không còn đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con thì anh L có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3- Án phí sơ thẩm: Chị H chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002164 ngày 27/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

4- Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND thị trấn T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Trường Hận